TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ S, TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/12/2023
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu N Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Huệ
2. Bà Nguyễn Thị Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Thị Hồng Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã S, TP. Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S tham gia phiên toà: Bà Lã Thị Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp Ly hôn, người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị H, sinh năm 1984

ĐKHKTT: Số 9/23 T, phường L, thị xã S, TP. Hà Nội

Bị đơn: Anh Lê Trọng H, sinh năm 1986

ĐKHKTT: Số 9/23 T, phường L, thị xã S, TP. Hà Nội. Chỗ ở hiện nay: Anh H hiện nay đang đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện số 7, xã X, thị xã S, TP. Hà Nội. Đều có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, cũng như tại bản tự khai, nguyên đơn là chị Vi Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Trọng H có đăng ký kết hôn ngày ngày 12/6/2007 tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống cùng gia đình chồng tại phố T, phường L, thị xã S, TP. Hà Nội. Quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không chịu làm ăn, nuôi con thậm chí chơi bời, nghiện ngập. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng chị đã sống ly thân được khoảng 4 năm. Hiện nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 01 con chung là Vi Bảo N, sinh ngày 30/9/2012. Chị H có nguyện vọng nuôi con và không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình: Không có.

Đối với anh Lê Trọng H: Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2023, tại Cơ sở cai nghiện số 7, xã X, thị xã S, TP. Hà Nội anh H trình bày: Anh và chị Vi Thị H kết hôn có đăng

ký kết hôn tại xã N, huyện B, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên, sau 02 năm vợ anh có đi làm ở Trung Quốc về và ly thân với anh. Vợ chồng anh ly thân được khoảng 02 năm. Hiện nay, anh vẫn muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con. Nếu chị H kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn thì anh vẫn đồng ý.

Về con chung: 01 con chung là Vi Bảo N, sinh ngày 30/9/2012. Cháu N mang họ chị H là do lúc vợ anh sinh con, vợ chồng anh chưa đăng ký kết hôn. Anh H có nguyện vọng nuôi và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Tòa án nhân dân thị xã S thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng dân sự: Giao thông báo thụ lý vụ án, lấy lời khai của đương sự, hòa giải, ủy thác và giao các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật. Đương sự thực hiện đúng quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật. Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 88 Luật hôn nhân và gia đình. Xử: Chị Vi Thị H được ly hôn anh Lê Trọng H. Về con chung: Có 01 con chung là Vi Bảo N, sinh ngày 30/9/2012. Giao chị Vi Thị H trực tiếp nuôi con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh H cho đến khi các bên có yêu cầu mới. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân thị xã S, thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện giao các văn bản tố tụng với đương sự. Thực hiện việc thông báo phiên họp tiếp cận, kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H không thể có mặt. Anh H và chị H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị H và anh Lê Trọng H kết hôn tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn và thủ tục về kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn được xác định do anh H không chịu làm ăn, nuôi con, thậm chí còn chơi bời sinh ra nghiện ngập. Anh, chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Anh H hiện nay đang đi cai nghiện tại cơ sở Cai nghiện số 7, xã X, thị xã S, Hà Nội. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H vẫn muốn hai bên đoàn tụ. Tuy nhiên, chị H kiên quyết ly hôn anh thì anh cũng đồng ý. Do vậy, xác định đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: có 01 con chung là Vi Bảo N, sinh ngày 30/9/2012. Cháu N khi đi khai sinh xác định có mẹ là Vi Thị H, không có tên anh H là bố khi khai sinh. Chị H đã sinh cháu N trước khi chị và anh H đăng ký kết hôn. Chị H và anh H đều xác định cháu Vi Bảo N là con chung của vợ chồng. Do vậy, căn cứ vào Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình để xác

định chị Vi Thị H và anh Lê Trọng H có 01 con chung là Vi Bảo N, sinh ngày 30/9/2012. Chị H và anh H đều có nguyện vọng nuôi con chung và không đề nghị bên kia cấp dưỡng nuôi con.

Việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, anh H là người nghiện ma túy và hiện nay đang đi cai nghiện ma túy, không có thu nhập, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hàng ngày. Cháu N cũng có nguyện vọng xin được ở với chị H để chị H quan tâm, chăm sóc cho cháu. Cháu N cũng đang bước vào tuổi dậy thì, cần sự gần gũi, quan tâm chăm sóc, chia sẻ với cháu. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của chị H là được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Bảo N, không yêu cầu anh H đóng góp tiền nuôi con chung với chị.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh H đều khai không có.

[5] Về công sức đóng góp: Không có

[6] Về án phí: Chị Vi Thị H pH chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 97; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 88 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị H. Chị Vi Thị H được ly hôn anh Lê Trọng H.

2. Về con chung: có 01 con chung là Vi Bảo N, sinh ngày 30/9/2012. Giao chị Vi Thị H trực tiếp nuôi con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh H cho đến khi các bên có yêu cầu mới;

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về công sức đóng góp, nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Vi Thị H pH chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0000798 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S, thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Vi Thị H và anh Lê Trọng H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:**
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TX. S;
- Các đương sự;
-UBND xã N, huyện B, tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS TX. S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lưu N Hưng